

THỰC THI CHỦ QUYỀN QUỐC GIA DƯỚI THỜI NGUYỄN GIAI ĐOẠN 1802-1884 VÀ Ý NGHĨA ĐỐI VỚI HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ THÚY LỰU
PHẠM CÔNG THIÊN
LÊ NGUYỄN NGỌC HUỖNH
Đại học Cần Thơ

Nhận bài ngày 09/10/2025. Sửa chữa xong 09/11/2025. Duyệt đăng 12/11/2025.

Abstract

This article clarifies the concept of national sovereignty during the Nguyễn Dynasty and explores its implications for modern Vietnam. These include reaffirming the importance of defending independence, sovereignty, and territorial integrity; establishing a legal basis for protecting maritime and island sovereignty in today's geopolitical climate; and emphasizing the need to combine economic growth with national defense to enhance the country's ability to maintain its sovereignty.

Keywords: National sovereignty, Nguyễn dynasty, political thought.

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình lịch sử dân tộc, vấn đề chủ quyền quốc gia luôn giữ vị trí trọng yếu, gắn liền với sự tồn tại, phát triển và độc lập tự chủ của đất nước. Thời kỳ nhà Nguyễn (1802-1884), tư tưởng về chủ quyền quốc gia được thể hiện rõ nét, không chỉ qua chính sách quản lý lãnh thổ, xây dựng hệ thống hành chính, củng cố quốc phòng, mà còn thông qua việc khẳng định chủ quyền biển đảo và bảo vệ biên giới quốc gia. Nhà Nguyễn đã ban hành nhiều chủ trương, biện pháp nhằm khẳng định chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, tiêu biểu như việc xác lập và thực thi chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa; củng cố hệ thống thành lũy phòng thủ; duy trì hoạt động ngoại giao để bảo vệ lợi ích dân tộc. Tư tưởng về chủ quyền quốc gia thời Nguyễn không chỉ phản ánh ý chí bảo vệ độc lập dân tộc của một triều đại phong kiến, mà còn chứa đựng nhiều giá trị lịch sử, chính trị và pháp lý quan trọng đối với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền quốc gia của Việt Nam hiện nay. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và những thách thức phức tạp về an ninh chủ quyền, việc nghiên cứu, kế thừa và phát huy những giá trị từ tư tưởng chủ quyền của nhà Nguyễn có ý nghĩa thiết thực. Đây không chỉ là cơ sở khoa học góp phần khẳng định chủ quyền lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc, mà còn là bài học kinh nghiệm quý báu trong việc hoạch định chính sách, nâng cao nhận thức cộng đồng và củng cố sức mạnh quốc gia để bảo vệ vững chắc chủ quyền trong thời đại mới. Việc nghiên cứu quá trình thực thi chủ quyền quốc gia dưới thời Nguyễn có ý nghĩa thiết thực trong việc bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Việc thực thi chủ quyền quốc gia dưới thời Nguyễn

2.1.1. Chủ quyền quốc gia gắn liền với sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ

Tư tưởng chính trị của triều đại nhà Nguyễn (1802-1884) hình thành và phát triển trong bối cảnh đất nước vừa thoát khỏi thời kỳ nội chiến kéo dài, nhu cầu thống nhất quốc gia và củng cố quyền lực trung ương trở nên cấp thiết. Nhà Nguyễn đã lựa chọn mô hình quân chủ chuyên chế tập quyền, xem đây là phương thức tối ưu để ổn định chính trị, bảo vệ độc lập dân tộc và duy trì trật tự xã hội. Tư tưởng chính trị chủ đạo của triều Nguyễn dựa trên nền tảng Nho giáo, coi trọng đạo lý "quân - thần", đề cao vai trò tuyệt đối của Hoàng đế như là "thiên tử", vừa nắm giữ quyền lực tối cao về lập pháp, hành pháp,

Email: ntluu@ctu.edu.vn

tư pháp, vừa là biểu tượng thống nhất quốc gia. Song song với đó, triều Nguyễn cũng tiếp thu và vận dụng có chọn lọc một số yếu tố Phật giáo, Đạo giáo nhằm củng cố tính chính danh của chế độ và điều hòa xã hội. Trong lịch sử các triều đại phong kiến tập quyền ở Việt Nam, vấn đề chủ quyền quốc gia luôn được coi là nhiệm vụ trọng tâm và mang tính sống còn, gắn liền với việc bảo đảm sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Tư tưởng này giữ vai trò quyết định, bởi nó tác động trực tiếp đến sự ổn định chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa và sức mạnh tổng thể của mỗi triều đại. Tư tưởng thống nhất quốc gia đã hình thành từ sớm trong lịch sử Việt Nam, nổi bật dưới triều Tây Sơn với lãnh thổ từ ải Nam Quan đến Mũi Cà Mau. Tuy nhiên, sự thống nhất này nhanh chóng bị gián đoạn cho đến khi vua Gia Long lên ngôi năm 1802, tái lập nền thống nhất đất nước. Trước hết có thể khẳng định: Triều Nguyễn đã có ý thức sâu sắc về chủ quyền lãnh thổ nên trong suốt quá trình cai trị đất nước, các vua triều Nguyễn đã từng bước thực hiện việc thống nhất nước nhà thông qua việc xác lập và thực thi chủ quyền đối với vùng đất, vùng biển, biên giới và hải đảo. Trong đó, triều Nguyễn đã hoàn thiện hệ thống hành chính và thống nhất quản lý lãnh thổ trên quy mô cả nước. Đồng thời, với cuộc cải cách hành chính từ trung ương đến địa phương (nhất là triều Minh Mệnh) cũng như việc ban hành và sửa đổi, bổ sung bộ Hoàng Triều luật lệ, triều Nguyễn đã thật sự hoàn chỉnh việc thống nhất đất nước cả về thực tiễn lẫn pháp lý. Vấn đề toàn vẹn lãnh thổ cũng là vấn đề được các vua triều Nguyễn đặc biệt quan tâm, trong đó đáng chú ý nhất là vua Minh Mệnh. Ông đã tăng cường xác lập chủ quyền Việt Nam ở các hải đảo, vùng biển và miền biên giới xa xôi của Tổ quốc. Để củng cố quốc gia và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ: “Minh Mệnh đã cho xây dựng và đắp thêm gần 40 đài bảo vệ bờ biển, cửa ải nơi hiểm yếu, đồn sơn phòng miền rừng núi và hầu hết các tỉnh thành trong cả nước. Để làm tốt việc xây đắp đó, vừa lên ngôi, năm 1820, Minh Mệnh đã sai viên Giám thành là Đỗ Phương Thịnh đi đến đầu nguồn Quảng Đức hết thảy núi sông rừng đồi từ xa đến gần, chỗ hiểm chỗ không đều vẽ thành địa đồ dâng lên” [8, tr. 207-208].

Bên cạnh đó, để giữ cho biên giới được yên ổn và tránh được tình trạng phá vỡ nền thống nhất quốc gia, triều Nguyễn rất chú trọng chính sách đối với các dân tộc thiểu số sinh sống tại các vùng biên cương của Tổ quốc như thực hiện chế độ thế tập đối với các tù trưởng người dân tộc thiểu số. Năm 1831, triều đình ban bố các quy định đặt chức thổ quan tại vùng dân tộc thiểu số. Chính sách ấy chủ yếu lấy phủ dụ, đoàn kết dân tộc là chính, nhưng kiên quyết chống mưu đồ cát cứ.

2.1.2. Từng bước xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền biển, đảo của quốc gia

Thứ nhất, ý thức sâu sắc về tầm quan trọng của biển, đảo: Gia Long, vị vua đầu triều Nguyễn, ngay khi mới lên ngôi đã xem trọng vai trò của biển, đảo đối với sự thịnh suy của nước nhà. Vì vậy, khi bàn về cơ lược dùng binh, Gia Long đã dụ rằng: “Côn Lôn, Phú Quốc, Thị Nại, Cù Mông, trăm cùng tướng sĩ các người đã trăm trận đánh vất vả mới có ngày nay. Lúc yên đừng quên lúc nguy, đó thực là đạo giữ nước yên dân” [9, tr. 811]. Kế nghiệp vua cha, Minh Mệnh đã xây dựng đất nước trở nên hùng cường. Biển, đảo luôn có tầm quan trọng đặc biệt trong tư tưởng của Minh Mệnh với việc khẳng định: “Địa lý nước ta, lấy biển làm dải áo, lấy núi làm vạt áo, địa thế trọng yếu và hiểm trở” [11, tr. 204]. Trên cơ sở nhận thức tầm quan trọng của biển, đảo quốc gia, vua Minh Mệnh rất coi trọng việc bảo vệ chủ quyền trên biển. Ông đã nói với bộ Binh rằng: “Việc trị quốc phải nhìn xa thấy rộng. Từ khi thân chính, Trẫm thường nghĩ kế lâu dài cho nước, đắp Trường thành ở Quảng Bình, xây dựng hùng quan ở Hải Vân, những nơi ven biển xung yếu như Thuận An, Tư Dung... không nơi nào không xây pháo đài, lợi dụng địa thế hiểm trở của sông núi để xây đắp công sự và sắm sửa hỏa pháo Tây Dương để phòng bất trắc, quả thật là trong thời bình phải nghĩ đến thời loạn, việc đó không thể lơ là được” [10, tr. 758]. Đến thời vua Thiệu Trị, vấn đề bảo vệ chủ quyền biển, đảo tiếp tục được coi trọng với việc khẳng định cương giới về hải phận của đất nước rộng, dài, những chỗ xung yếu ở nơi ven biển đều đặt pháo đài để nghiêm việc phòng thủ.

Thứ hai, xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Quốc gia: Triều Nguyễn là triều đại đã chiếm hữu, xác lập và thực thi chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa đầy đủ nhất. Điều này được chứng minh trong nguồn thư tịch cổ nước ngoài. Theo đó, vua Gia Long đã tuyên bố chủ quyền đối với hai quần đảo này từ rất sớm, năm 1816 đánh dấu mốc quan trọng trong việc xác lập và thực thi chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa. Cụ thể, theo J.B.Eyriès trong hồi ký Voyage pit-

toresque en Asie et en Afrique (Tiếng Pháp-1841) đã viết: “có nhiều đảo tại đế chế An Nam: ta lưu ý về phía Nam - Đông Nam của đảo Hải Nam có quần đảo Paracels. Các đảo này không có người ở, nhưng do việc khai thác đổi mới và cá ở đây rất nhiều, hoàng đế An Nam đã cho chiếm hữu nó vào năm 1816 mà các lân bang không hề có ý kiến gì” [5, tr.201]. Sự kiện trên cũng được Linh mục Taberd chỉ rõ: “Tuy rằng cái thứ quần đảo này không có gì ngoài đá tảng và những cồn lớn nó hứa hẹn nhiều bất tiện hơn bất lợi, vua Gia Long đã nghĩ tăng lãnh thổ bằng cách chiếm thêm cái đất buồn bã này. Năm 1816, ông đã tới long trọng cắm cờ và chính thức giữ chủ quyền các hòn đảo này, mà hình như không ai tranh giành với ông” [6, tr. 745]. Đến thời Minh Mệnh, một trong những vấn đề ông quan tâm, chú trọng nhất là chủ quyền vùng biển, đảo quốc gia. Có thể nói, các thư tịch, châu bản triều Nguyễn đã chứng minh, Minh Mệnh đã ban hành nhiều văn bản về việc quản lý vùng biển, đảo, nhất là Hoàng Sa và Trường Sa. Ông đã tiến hành nhiều nhiều biện pháp để thực thi chủ quyền ở hai quần đảo này như: kiểm tra hoạt động tàu bè qua lại, khai thác sản vật, cứu nạn tàu buôn, cắm mốc, dựng bia đá, trồng cây để khẳng định chủ quyền... Sách Đại Nam thực lục có ghi: “Minh Mạng năm thứ 14 (1833), nhà vua bảo Bộ Công rằng: Trong hải phận Quảng Ngãi, có một giải Hoàng Sa, xa trông trời nước một màu, không phân biệt được nông hay sâu. Gần đây, thuyền buôn thường [mắc cạn] bị hại! Nay nên dự bị thuyền mành, đến sang năm sẽ phái người tới đó dựng miếu, lập bia và trồng nhiều cây cối. Ngày sau cây cối to lớn xanh tốt, người dễ nhận biết, ngõ hầu tránh khỏi được nạn mắc cạn. Đó cũng là việc lợi muôn đời” [11, tr. 743]. Ngoài ra, năm 1835, Minh Mệnh còn cho dựng “thần từ” (miếu thờ thần) ở Hoàng Sa, điều này đã được sách Đại Nam Thực lục ghi lại: “Hoàng Sa ở hải phận Quảng Ngãi có một chỗ nổi cồn cát trắng, cây cối xanh tốt, giữa cồn có giếng, phía tây nam có miếu cổ, có tấm bia khắc 4 chữ Vạn Lý Ba Bình... Năm ngoài vua (Minh Mạng) định lập miếu ở chỗ ấy, vì gặp lúc sóng gió không làm được. Đến nay mới sai đội thủy quân là Phạm Văn Nguyên đem lính và giám thành cùng phu thuyền hai tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định chuyên chở vật liệu đến dựng miếu (cách tòa miếu cổ 7 trượng). Bên trái dựng bia đá, phía trước miếu xây bình phong. Mười ngày làm xong rồi về” [12, tr. 673]. Bên cạnh đó, Minh Mệnh còn chú trọng tiến hành tìm kiếm, phát hiện thêm các đảo và quần đảo ven bờ, cũng như liên tục từ năm 1831 đến năm 1839, nhà vua đã hạ lệnh vẽ bản đồ các cửa biển và đảo ven bờ nhằm khẳng định chủ quyền và biên giới lãnh thổ trên biển. Nhận thức được tầm quan trọng của biển, đảo Quốc gia, triều Nguyễn đã ban hành hàng loạt các biện pháp trên các lĩnh vực như kinh tế, quân sự, ngoại giao để bảo vệ, khai thác vùng lãnh hải của quốc gia. Cụ thể:

Một là, triều Nguyễn đã gắn phát triển kinh tế vùng biên giới biển với xây dựng hệ thống phòng thủ ven biển:

- Về phát triển kinh tế biển: Nước ta có đường bờ biển dài, tài nguyên biển phong phú, đa dạng, nhiều cảng biển có vị trí chiến lược quan trọng. Vì vậy, triều Nguyễn đã cho xây dựng các cảng biển để tạo điều kiện thông thương. Bên cạnh đó, triều Nguyễn còn cho xây dựng nhà công quán ở Đà Nẵng để kiểm soát thuyền buôn của nước ngoài. Hoạt động này vừa phát triển kinh tế, vừa nhằm tăng cường công tác an ninh vùng biển. Ngoài ra, triều Nguyễn còn chú trọng phát triển kinh tế ở các đảo ven bờ. Từ đó nhiều hòn đảo hoang vu đã trở thành nơi trù phú.

- Về vấn đề phòng thủ: Minh Mệnh nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phòng thủ: “ Binh lính có thể trăm năm không dùng đến nhưng không thể một ngày không phòng bị” [13, tr. 243]. Hay “Biết tự trị thì mạnh, có phòng bị thì không lo. Nay cửa biển Đà Nẵng ở Quảng Nam, đã đặt thêm pháo đài Phòng Hải, cửa biển Thị Nại ở Bình Định lại mới xây pháo đài Hồ Cơ, để giữ chỗ hiểm yếu; còn đảo Côn Lôn, Phú Quốc đều có đặt đồn bảo chia phái lính thủ đi tuần phòng, để ngăn ngừa sự lo bất ngờ. Như thế thì ta ngăn giữ cửa bể có cái thế đáng sợ mà không thể xâm phạm được” [7, tr. 13].

Hai là, Triều Nguyễn chú trọng xây dựng lực lượng thủy quân: Dưới triều Nguyễn, hoạt động thực thi chủ quyền đối với vùng biển, đảo nói chung có sự tham gia và phối hợp của nhiều cơ quan, lực lượng, trong đó thủy quân đóng vai trò chủ đạo. Thủy quân là lực lượng tiên phong, chủ lực trong quá trình thực hiện tuần tra, kiểm soát biển cũng như thực thi chủ quyền đối với các hải đảo thuộc chủ quyền Việt Nam dưới triều Nguyễn. Lực lượng thủy quân với nhiệm vụ khảo sát, cắm mốc, vẽ bản đồ, khai thác sản vật và thực thi chủ quyền đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Từ đầu thế kỷ XIX, triều Nguyễn đã tổ chức và duy trì hoạt động thực thi chủ quyền của Nhà nước

Việt Nam tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa một cách liên tục, có hệ thống. Ngay từ thời Gia Long, triều đình đã cho thành lập đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải, cử người ra các đảo thu lượm hóa vật, đo đạc thủy trình, cắm mốc chủ quyền. Năm 1816, vua Gia Long “sai thủy quân và đội Hoàng Sa cưỡi thuyền ra Hoàng Sa thăm dò đường biển” [9]. Đến thời Minh Mạng, hoạt động này được mở rộng, năm 1834, nhà vua “Sai Giám thành đội trưởng Trương Phúc Sĩ cùng thủy quân hơn 20 người đi thuyền đến đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Ngãi vẽ bản đồ” [12, tr. 120]; năm 1836, lại sai suất đội Thủy quân Phạm Hữu Nhật đem thuyền ra Hoàng Sa khảo sát, dựng bia chủ quyền, đến đó thì cắm mốc đánh dấu [12, tr. 867]. Dưới thời Thiệu Trị vẫn tiếp tục thực thi việc bảo vệ chủ quyền thông qua duy trì lệ đưa binh thuyền vãng thám xứ Hoàng Sa hàng năm. Đến thời Tự Đức, trên cơ sở nhận thức rõ tầm quan trọng của việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo, ông tiếp tục chú trọng tăng cường lực lượng thủy quân cũng như tăng cường phòng thủ ở các cửa biển quan trọng. Như vậy, từ Gia Long đến Tự Đức, nhà Nguyễn đã liên tục tổ chức lực lượng nhà nước thực thi và khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa và Trường Sa.

Bên cạnh đó, để bảo vệ vững chắc vùng biển Tổ quốc, triều Nguyễn tổ chức lực lượng thủy quân chặt chẽ và trang bị thêm nhiều tàu thuyền mới, gồm cả thuyền truyền thống, thuyền hơi nước kiểu phương Tây, thuyền máy, thuyền gỗ và đặc biệt là thuyền bọc đồng - loại thuyền lớn hoạt động ngoài đại dương.

Ba là, triều Nguyễn tăng cường chống hải tặc nhằm bảo đảm an ninh vùng biển: Triều Nguyễn thường xuyên đối phó với nạn cướp biển nên vấn đề này được các vua đặc biệt quan tâm. Thời Gia Long, ông sớm chỉ đạo trấn áp cướp biển, như vụ giặc Chà Và ở Phú Quốc năm 1818. Sang thời Minh Mệnh, công tác phòng chống được tổ chức chặt chẽ hơn, có sự phối hợp giữa địa phương và triều đình, dân được huy động lập đội tuần tra biển. Đến thời Thiệu Trị, nạn cướp biển diễn biến phức tạp khiến vua lo lắng, ông yêu cầu tăng cường tuần tra từ Bắc vào Nam để giữ yên vùng biển. Nhìn chung, ở thời Nguyễn phải đối mặt với nhiều hải tặc như: Tàu Ô, Thanh Phi, Chà Và, Đồ Bà... Nhận thức rõ mối đe dọa đối với an ninh quốc gia, nhà Nguyễn đã cho xây dựng các đồn binh, pháo đài tại những vị trí chiến lược ven biển và trên các đảo. Ngoài ra, nhà Nguyễn còn duy trì lực lượng tuần tra trên biển để chống hải tặc.

Tóm lại, quá trình triều Nguyễn xác lập và thực thi chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã được đề cập trong các tư liệu: Phủ biên Tạp lục, Đại Nam thực lục chính biên và tiền biên, Đại Nam nhất thống chí... Bên cạnh đó, các nguồn thư tịch cổ nước ngoài cũng đã khẳng định điều này. Ngoài ra, chủ quyền của Việt Nam còn thể hiện qua các bản đồ mà tiêu biểu là Đại Nam nhất thống toàn đồ. Đặc biệt, Châu bản triều Nguyễn là nguồn thư tịch có giá trị khách quan để khẳng định quá trình nhà Nguyễn thực thi chủ quyền của mình trên biển. Châu bản là bằng chứng rõ ràng, thuyết phục nhất về quá trình thực thi chủ quyền của vương triều Nguyễn ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

2.2. Ý nghĩa đối với bảo vệ chủ quyền quốc gia hiện nay

2.2.1. Khẳng định nguyên tắc bất biến “giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ” trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay

Trong lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam nói chung và triều Nguyễn nói riêng, vấn đề bảo vệ chủ quyền luôn gắn liền với sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Tư tưởng chính trị của triều Nguyễn, dù còn hạn chế bởi tính chất bảo thủ, vẫn chứa đựng những giá trị nhất định trong việc khẳng định chủ quyền, ổn định xã hội và định hình bản sắc chính trị Việt Nam. Kế thừa tư tưởng này, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi toàn vẹn lãnh thổ quốc gia và gìn giữ độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia là nguyên tắc kiên định. Người đã tuyên bố: “nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực” trên cơ sở “toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước” [4, tr. XXIII]. Đối với bảo vệ chủ quyền biên giới, biển đảo, Hồ Chí Minh luôn coi đây là một bộ phận gắn liền với bảo vệ độc lập, toàn vẹn lãnh thổ.

Trong quá trình đổi mới đất nước, kế thừa tư tưởng bảo vệ chủ quyền, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc trong lịch sử tư tưởng truyền thống của dân tộc, triều Nguyễn và Hồ Chí Minh, Đảng cộng sản Việt Nam luôn khẳng định: Kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ vững chắc biên giới và chủ quyền biển, đảo, vùng trời của Tổ quốc; đồng thời giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển bền vững đất nước. Đặc biệt, Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển; giữ vững môi

trường hòa bình, ổn định để phát triển” [2, tr. 157] và “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh, làm thất bại âm mưu, hành động can thiệp của các thế lực thù địch vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và ổn định chính trị đất nước” [2, tr. 163].

Có thể nói, trong điều kiện chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc bị đe dọa nghiêm trọng, an ninh trên vùng biển Việt Nam diễn biến phức tạp, khó lường trong thời gian qua, việc Đảng ta nhấn mạnh nhiệm vụ trên là hoàn toàn cần thiết và đúng đắn. Khi nào chủ quyền được giữ vững thì mới có môi trường hòa bình, đời sống nhân dân mới ổn định, khi đó mới có thể tập trung để xây dựng và phát triển đất nước. Hai từ “kiên quyết, kiên trì” thể hiện sự quyết tâm bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc bằng mọi phương cách, mọi biện pháp có thể. Đồng thời, bảo vệ chủ quyền biển, đảo phải thật sự sáng suốt, bình tĩnh, không nóng vội, không manh động, phải tận dụng mọi biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, như Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh: “Chủ động chuẩn bị về mọi mặt, sẵn sàng các phương án bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình huống” [2, tr. 159].

2.2.2. Việc xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền quốc gia dưới thời Nguyễn là cơ sở pháp lý quan trọng để đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong tình hình mới

Hiện nay tình hình quốc tế, khu vực diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường, những nhân tố mới xuất hiện tác động trực tiếp đến tình hình Biển Đông. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo trong khu vực diễn ra gay gắt, tiềm ẩn nguy cơ xung đột, mất ổn định. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch ra sức lợi dụng vấn đề biển, đảo để chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ. Đặc biệt, Trung Quốc nhiều lần vi phạm chủ quyền biển đảo Việt Nam như: hạ đặt trái phép giàn khoan HD-981 (5/2014), đưa tàu khảo sát Hải Dương Địa chất 08 xâm phạm vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam, xây dựng đảo nhân tạo, tổ chức du lịch trái phép ra Hoàng Sa, và vào tháng 3/2021, cho tàu hoạt động trái phép tại khu vực Sinh Tồn Đông, Trường Sa. Năm 2023, Trung Quốc tiếp tục công bố bản đồ tiêu chuẩn với yêu sách và đường đứt đoạn bao gồm cả 2 quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam... Tất cả những hành động của Trung Quốc đã đe dọa, xâm phạm đến chủ quyền của Việt Nam trên biển, vi phạm công ước Liên Hiệp quốc về Luật biển năm 1982.

Tình hình trên đặt ra yêu cầu và thách thức đối với việc bảo vệ độc lập, chủ quyền của Việt Nam, nhất là bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Bởi vì, biển, đảo Việt Nam là một bộ phận cấu thành chủ quyền quốc gia, là không gian sinh tồn, cửa ngõ giao lưu quốc tế, gắn bó mật thiết với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Giữ vững chủ quyền biển, đảo mới đảm bảo độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Trước tình hình trên, việc nghiên cứu vấn đề thực thi chủ quyền quốc gia dưới thời Nguyễn, nhất là bảo vệ chủ quyền biển, đảo có ý nghĩa trong việc khẳng định chủ quyền lịch sử của Việt Nam trên Biển Đông, nhất là hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đặc biệt, với hệ thống các nguồn tư liệu trong nước, nước ngoài, các Châu bản thể hiện quá trình triều Nguyễn xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền ở 2 quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là cơ sở pháp lý quan trọng nhất trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc bằng luật pháp quốc tế. Châu bản là một bằng chứng có giá trị lịch sử mà không có bất kỳ quốc gia nào có được. Châu bản càng có giá trị pháp lý cao hơn khi được UNESCO công nhận là Di sản tư liệu thế giới khu vực Châu Á-Thái Bình Dương (2014). Việc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo dựa trên cơ sở pháp lý này là hoàn toàn phù hợp với tinh thần Đại hội XIII của Đảng: “Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hiệp quốc và luật pháp quốc tế” [2, tr. 161].

Bên cạnh đó, những hoạt động xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền như: phát hiện, cắm mốc để khẳng định chủ quyền, khảo sát đo đạc, vẽ bản đồ, xây dựng đồn, bảo, đầu tư, khai thác lợi ích kinh tế ở nhiều đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa... mà vương triều Nguyễn đã thực hiện là bằng chứng cho thấy trong lịch sử, Việt Nam không chỉ thụ đắc hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa theo nguyên tắc “quyền phát hiện” mà còn thụ đắc theo nguyên tắc “chiếm hữu thật sự”. Hay việc triều Nguyễn xác lập chủ quyền đối với 2 quần đảo này mà không hề có sự phản đối của các nước lân bang,

càng khẳng định Việt Nam là quốc gia xác lập chủ quyền đối với 2 quần đảo này lâu dài và trong điều kiện hòa bình. Với những bằng chứng này, Việt Nam có đầy đủ cơ sở pháp lý và lịch sử khẳng định chủ quyền đối với Hoàng Sa, Trường Sa. Việt Nam có quyền yêu cầu Trung Quốc cũng như các nước khác phải thừa nhận, tôn trọng chủ quyền của Việt Nam ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

2.2.3. Gắn phát triển kinh tế với an ninh quốc phòng để đảm bảo sự phát triển bền vững và gia tăng sức mạnh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, nhất là bảo vệ chủ quyền biển, đảo

Thời Nguyễn, vấn đề kết hợp giữa phát triển kinh tế vùng biên giới biển với tăng cường hệ thống phòng thủ ven biển chính là thể hiện quan điểm phát triển kinh tế gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng hiện nay. Đối với nước ta, vùng biển có nhiều tiềm năng kinh tế, là cửa ngõ giao lưu quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài, phát triển một số ngành mũi nhọn của đất nước. Việc kết hợp phát triển kinh tế biển với tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại là đòi hỏi bức thiết nhằm nâng cao đời sống nhân dân, nhanh chóng tạo ra thế và lực trong bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh vùng biển, đảo của Tổ quốc. Bên cạnh đó, năng lực của quốc gia trong sử dụng và khai thác, phát triển kinh tế biển bền vững cũng được nâng cao. Nghị quyết Hội nghị TW 8 khóa XII, Đảng đã khẳng định “Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn; phát triển bền vững kinh tế biển gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy trì môi trường hoà bình, ổn định cho phát triển” [1, tr. 133]. Đặc biệt, Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh: “Phát triển bền vững kinh tế biển phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, kiểm soát khai thác tài nguyên biển, phục hồi hệ thống sinh thái biển, gắn liền với bảo đảm quốc phòng an ninh và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo” [2, tr. 257-258].

3. Kết luận

Ở thời Nguyễn, chủ quyền quốc gia gắn liền với vấn đề thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Triều Nguyễn đã vẽ nên một hình thể lãnh thổ đất nước thống nhất từ đất liền đến biển, đảo để có một nước Việt Nam hoàn chỉnh như hiện nay. Dưới thời Nguyễn, biển, đảo giữ một vị trí quan trọng và nhất là các quần đảo trên biển Đông, trong đó có Hoàng Sa và Trường Sa. Triều Nguyễn đã xác lập và thực thi chủ quyền quốc gia của Việt Nam, bao gồm cả chủ quyền trên biển và các hải đảo, trong điều kiện lâu dài, hòa bình và không có tranh chấp. Việc này được thực hiện thông qua nhiều hoạt động cụ thể như: vẽ bản đồ, kiểm tra hoạt động tàu bè qua lại, khai thác sản vật, cứu nạn tàu buôn, cắm mốc, dựng bia đá, trồng cây ... Ngoài ra, triều Nguyễn còn tăng cường công tác bảo vệ chủ quyền thông qua việc xây dựng hệ thống phòng thủ ven bờ, phát triển lực lượng thủy quân. Trước tình hình Biển Đông diễn biến phức tạp, việc nghiên cứu thực thi chủ quyền quốc gia thời Nguyễn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Nghiên cứu này vừa khẳng định nguyên tắc bảo vệ Tổ quốc, vừa là cơ sở pháp lý chứng minh chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa và Trường Sa, đồng thời góp phần đấu tranh chống xâm phạm chủ quyền và tăng cường sức mạnh bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng (2019). *Những nội dung cơ bản và mới trong các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị khóa XII* NXB Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [3] Đỗ Bang (2017). *Chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong lịch sử*. NXB Văn hóa - Văn nghệ, TP.Hồ Chí Minh.
- [4] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 1, 2011). NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [5] J.B. Eyriès. (1841). *Voyage pittoresque en Asie et en Afrique*. Paris.
- [6] Jean Louis Taberd (1837). *Note on the Geography of Cochinchina. Journal of the Asiatic Society of Bengal*. tome VI
- [7] Nguyễn Văn Thường (2016). *Xây dựng tuyến phòng thủ ven biển dưới triều Nguyễn* (tỉnh Bình Định-Phú Yên). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [8] Nguyễn Hoài Văn (2010). *Đại cương lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [9] Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2001). *Đại Nam thực lục* (tập 1). NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [10] Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2001). *Đại Nam thực lục* (tập 2), NXB Giáo dục, Hà Nội
- [11] Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2001), *Đại Nam thực lục*, tập 3, Nxb. Giáo dục, Hà Nội
- [12] Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2001). *Đại Nam thực lục* (tập 4). NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [13] Quốc sử quán triều Nguyễn (1994). *Minh Mệnh chính yếu* (tập 3), NXB Thuận Hóa.